

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Luật, mã số 7380101

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-ĐHKH ngày 09/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-ĐHTN ngày 17/4/2018 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường Đại học Khoa học, kỳ họp ngày 04/5/2020 về việc thông qua chuẩn đầu ra các Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng ĐT - QLKH&HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật, mã số 7380101 (có nội dung chuẩn đầu ra kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Chuẩn đầu ra là căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật. Phòng ĐT - QLKH&HTQT và các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo chuẩn đầu ra đã được phê duyệt.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng ĐT - QLKH&HTQT, Trưởng khoa Luật, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- BGH (để b/c);
- Voffice;
- Lưu: VT, ĐT-QLKH&HTQT (3)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC
THÁI NGUYÊN
PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng

CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 2
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-ĐHKH ngày 05/5/2020 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành	
1.1	Lĩnh hội các kiến thức giáo dục đại cương: Làm rõ các kiến thức về chính trị, lịch sử, văn hoá, tâm lý; giáo dục thể chất; sử dụng kiến thức tin học, ngoại ngữ.	2
1.2	Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành: Vận dụng kiến thức Lý luận về Nhà nước và pháp luật; pháp luật Hiến pháp, pháp luật Hành chính; pháp luật Hình sự và Tố tụng Hình sự; pháp luật Dân sự và Tố tụng Dân sự; pháp luật Thương mại, Lao động, Đất đai, Hôn nhân và Gia đình, Tài chính; pháp luật Quốc tế.	3
1.3	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành: Vận dụng các kiến thức lý luận chuyên sâu và thực tiễn pháp lý để giải quyết những vấn đề chuyên ngành sâu thuộc một trong lĩnh vực pháp luật Hành chính Nhà nước, pháp luật Hình sự, pháp luật Dân sự, pháp luật Kinh tế, pháp luật Quốc tế.	3
2	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp	
2.1	Có khả năng giải quyết vấn đề: phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề; liên hệ kiến thức chuyên ngành luật để giải quyết các vụ việc pháp lý thực tế; đưa ra giải pháp, khuyến nghị, đánh giá và đề xuất.	3
2.2	Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức: biết nhận diện các quan hệ pháp luật và xác định pháp luật điều chỉnh; phân tích, bình luận pháp luật Việt Nam; biết so sánh, đối chiếu pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế; biết lập giả thuyết, tìm kiếm, tổng hợp tài liệu; cập nhật thông tin trong lĩnh vực pháp lý.	4
2.3	Có tư duy hệ thống: phát hiện các yếu tố trọng điểm, mối tương quan giữa các yếu tố; khái quát hoá vấn đề; chỉ ra, phân	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
	tích ưu điểm, hạn chế và xây dựng giải pháp hợp lý.	
2.4	Có kỹ năng và phẩm chất cá nhân: Hình thành tính kiên trì, quyết đoán, linh hoạt; biết quản lý thời gian và nguồn lực; có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân đối với việc phát triển nghề nghiệp và có kế hoạch thực hiện mục tiêu đó; có tư duy phản biện, tư duy hệ thống, có khả năng tự học.	3
2.5	Có kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp: Soạn thảo thành thạo văn bản pháp luật; có kỹ năng tư vấn pháp luật; đàm phán, soạn thảo hợp đồng; giải quyết vụ việc dân sự, hình sự, tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo; có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, yêu nghề; tinh thần trách nhiệm với công việc; chủ động, tự tin trong công việc, dám làm dám chịu trách nhiệm; có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, lợi ích công cộng; có tinh thần thượng tôn pháp luật.	4
3	Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng ngoại ngữ	
3.1	Có kỹ năng làm việc nhóm: Có khả năng thành lập nhóm, hướng dẫn, giám sát, phối hợp thành viên trong nhóm giải quyết công việc hiệu quả.	3
3.2	Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thể hiện ý kiến, bảo vệ quan điểm cá nhân; kỹ năng đặt vấn đề, giải quyết vấn đề trong giao tiếp; có kỹ năng thuyết minh và thuyết phục trong giao tiếp.	3
3.3	Có kỹ năng ngoại ngữ: sử dụng Tiếng Anh ở mức cơ bản; vận dụng một số thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành luật.	3
4	Năng lực hình thành ý tưởng; xây dựng, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý; áp dụng các kiến thức vào thực tiễn	
4.1	Làm rõ bối cảnh xã hội và môi trường: Hiểu vai trò và trách nhiệm của người học luật đối với xã hội, hiểu sự ảnh hưởng của pháp luật đối với xã hội và sự tác động của xã hội đối với pháp luật; hiểu các vấn đề của thời đại và phát triển theo xu hướng hội nhập quốc tế.	2
4.2	Làm rõ bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức: Nhận diện được bối cảnh kinh tế - xã hội; có khả năng thích ứng với các điều kiện và môi trường làm việc khác nhau; có ý thức kỷ luật, chủ động, tự tin trong công việc; có khả năng làm việc thành công trong	2



Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
	tổ chức.	
4.3	Có năng lực hình thành ý tưởng trong hoạt động hành nghề luật: hiểu yêu cầu và mục tiêu của hoạt động; xác định nội dung của hoạt động; dự báo tính khả thi của ý tưởng.	3
4.4	Có năng lực xây dựng phương án thực hiện hoạt động pháp lý: xác định các bước thực hiện; có khả năng xây dựng phương án thực hiện cụ thể, có tính khả thi; lựa chọn phương án thực hiện.	3
4.5	Có năng lực triển khai thực hiện hoạt động pháp lý: biết lựa chọn nguồn lực và phương pháp thực hiện; tổ chức thực hiện, quản lý, đánh giá hoạt động.	3
4.6	Có năng lực đánh giá hoạt động pháp lý: đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh hoạt động pháp lý.	3

CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-ĐHKH ngày 05/5/2020 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên)

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành	
1.1	Lĩnh hội các kiến thức giáo dục đại cương	
1.1.1	Lĩnh hội các kiến thức về triết học Mác - Lê nin, kinh tế chính trị Mác - Lê nin; lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.0
1.1.2	Sử dụng Ngoại ngữ và Tin học	3.0
1.1.3	Làm rõ các kiến thức khoa học xã hội gồm Xã hội học đại cương, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Logic học, Đạo đức nghề luật, Tiếng Việt thực hành, Tâm lý học tư pháp, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ thuật soạn thảo văn bản, Lịch sử Việt Nam đại cương.	2.0
1.1.4	Giải thích các kiến thức về Môi trường và phát triển bền vững	2.0
1.1.5	Tóm tắt lại các kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng	2.0
1.2	Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành	
1.2.1	Vận dụng kiến thức Lý luận về nhà nước và pháp luật	3.0
1.2.2	Vận dụng kiến thức Luật hiến pháp, Luật hành chính	3.0
1.2.3	Vận dụng kiến thức Pháp luật Hình sự	3.0
1.2.4	Vận dụng kiến thức Pháp luật Dân sự	3.0
1.2.5	Vận dụng kiến thức Pháp luật Kinh tế	3.0
1.2.6	Vận dụng kiến thức Pháp luật Quốc tế	3.0
1.3	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành	
1.3.1.	Vận dụng kiến thức chuyên ngành sâu trong lĩnh vực Pháp luật Hình sự; Pháp luật Dân sự; Pháp luật Kinh tế; Pháp luật Quốc tế.	3.0
1.3.2	Vận dụng kiến thức trong một số hoạt động hỗ trợ tư pháp	3.0
1.3.3	Vận dụng kiến thức trong hoạt động quản lý nhà nước	3.0
1.3.4	Vận dụng kiến thức trong hoạt động tư vấn pháp lý; đàm phán, soạn thảo hợp đồng.	3.0
1.3.5	Vận dụng kiến thức trong hoạt động giải quyết vụ việc pháp lý.	3.0
2	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp	
2.1	Giải quyết vấn đề	

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
2.1.1	Nhận diện vấn đề pháp lý	3.0
2.1.2	Phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề	3.0
2.1.3	Phân tích, tổng hợp vấn đề	3.0
2.1.4	Đưa ra các giải pháp đề xuất, kiến nghị.	3.0
2.2.	<i>Nghiên cứu, khám phá kiến thức</i>	
2.2.1	Hình thành giả thuyết	4.0
2.2.2	Tìm kiếm và tổng hợp, phân tích tài liệu, chọn lọc thông tin	4.0
2.2.3	Dự báo tính khả thi	4.0
2.2.4	Kiểm chứng và bảo vệ giả thuyết	4.0
2.3	<i>Tư duy hệ thống</i>	
2.3.1	Phát hiện các yếu tố trọng điểm, mối tương quan giữa các yếu tố	3.0
2.3.2	Khái quát hoá vấn đề	3.0
2.3.3	Chỉ ra, phân tích ưu điểm, hạn chế	3.0
2.3.4	Xây dựng giải pháp hợp lý	3.0
2.4	<i>Kỹ năng và phẩm chất cá nhân</i>	
2.4.1	Hình thành tính kiên trì, quyết đoán, linh hoạt	3.0
2.4.2	Biết quản lý thời gian và nguồn lực	3.0
2.4.3	Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân đối với việc phát triển nghề nghiệp và có kế hoạch thực hiện mục tiêu đó	3.0
2.4.4	Có khả năng tự học.	3.0
2.5	<i>Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp</i>	
2.5.1	Có khả năng đọc, hiểu, phân tích văn bản quy phạm pháp luật	4.0
2.5.2	Có khả năng soạn thảo văn bản pháp lý	4.0
2.5.3	Có kỹ năng tư vấn pháp luật; đàm phán, soạn thảo hợp đồng.	4.0
2.5.4	Có khả năng giải quyết vụ việc dân sự, hình sự, tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo	4.0
2.5.5	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, yêu nghề; tinh thần trách nhiệm với công việc; chủ động, tự tin trong công việc, dám làm dám chịu trách nhiệm	4.0
2.5.6	Có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, lợi ích công cộng.	4.0
2.5.7	Có tinh thần thượng tôn pháp luật	4.0
3	<i>Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng ngoại ngữ</i>	
3.1	<i>Kỹ năng làm việc nhóm</i>	
3.1.1	Giải thích được vai trò, lợi ích của việc làm việc nhóm; nhận biết được điểm mạnh, yếu của nhóm, vai trò của từng thành viên trong nhóm.	2.0
3.1.2	Có khả năng thành lập nhóm hoạt động hiệu quả.	3.0

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
3.1.3	Có khả năng thuyết phục, kết nối các thành viên trong nhóm.	3.0
3.1.4	Có khả năng quản lý, lãnh đạo và phát triển nhóm.	3.0
3.1.5	Có khả năng phân tích và tổng hợp các ý kiến giữa các thành viên trong nhóm	3.0
3.1.6	Thể hiện sự hợp tác và có tinh thần trách nhiệm với các thành viên trong nhóm để hoàn thành công việc	3.0
3.2	<i>Kỹ năng giao tiếp hiệu quả</i>	
3.2.1	Biết lắng nghe và thể hiện ý kiến, bảo vệ quan điểm cá nhân	3.0
3.2.2	Biết đặt vấn đề, giải quyết vấn đề trong giao tiếp	3.0
3.2.3	Có khả năng thuyết minh và thuyết phục trong giao tiếp.	3.0
3.2.4	Có khả năng thuyết trình; biết vận dụng hiệu quả các công cụ công nghệ thông tin trong thuyết trình	3.0
3.2.5	Có khả năng thực hiện đàm phán trong hoạt động pháp lý	3.0
3.3	<i>Có kỹ năng ngoại ngữ</i>	
3.3.1	Có khả năng giao tiếp cơ bản bằng Tiếng Anh	3.0
3.3.2	Sử dụng thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành Luật	2.0
4	Năng lực hình thành ý tưởng; xây dựng, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý; áp dụng các kiến thức vào thực tiễn	
4.1	<i>Xác định bối cảnh xã hội và môi trường</i>	
4.1.1	Nhận biết vai trò và trách nhiệm của người học luật đối với xã hội	2.0
4.1.2	Mô tả được sự ảnh hưởng và tác động của pháp luật đối với xã hội và sự tác động của xã hội đối với pháp luật	2.0
4.1.3	Làm rõ thực trạng pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế	2.0
4.1.4	Mô tả các vấn đề của thời đại	2.0
4.1.5	Nhận định đúng bối cảnh hội nhập quốc tế	3.0
4.2	<i>Làm rõ bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức</i>	
4.2.1	Lĩnh hội văn hoá, chiến lược, mục tiêu của cơ quan, tổ chức và các bên liên quan	2.0
4.2.2	Có khả năng thích ứng với các điều kiện và môi trường làm việc khác nhau	2.0
4.2.3.	Có ý thức kỷ luật, chủ động, tự tin trong công việc; có khả năng làm việc thành công trong tổ chức.	3.0
4.3	<i>Hình thành ý tưởng trong hoạt động hành nghề luật</i>	
4.3.1	Xây dựng yêu cầu và mục tiêu của hoạt động	3.0
4.3.2	Xác định nội dung của hoạt động	3.0
4.3.3	Có khả năng dự báo tính khả thi của ý tưởng	3.0
4.4	<i>Xây dựng phương án thực hiện hoạt động pháp lý</i>	
4.4.1	Xác định các bước thực hiện hoạt động pháp lý	3.0



Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
4.4.2	Xây dựng nội dung phương án thực hiện	3.0
4.4.3	Lựa chọn phương pháp thực hiện	3.0
4.5	Triển khai thực hiện hoạt động pháp lý	
4.5.1	Lựa chọn, chuẩn bị nhân lực, vật lực thực hiện kế hoạch	3.0
4.5.2	Tổ chức thực hiện hoạt động	3.0
4.5.3	Quản lý quá trình thực hiện hoạt động	3.0
4.6	Đánh giá hoạt động pháp lý	
4.6.1	Đánh giá kết quả hoạt động pháp lý	3.0
4.6.2	Điều chỉnh hoạt động pháp lý	3.0